VAI TRÒ CỦA DỊCH THUẬT VĂN HỌC TRONG TIẾP XÚC VĂN HÓA PHƯƠNG TÂY Ở NHẬT BẢN

NGUYỄN TUẤN KHANH*

Hầu hết nền văn xuôi Nhật Bản trong thế kỷ kế tiếp thời kỳ khôi phục nền quân chủ Minh Trị (1868) đều được gọi bằng thuật ngữ "hiện đại" mặc dù sự biến đổi văn học thực sự chỉ có thể nhìn nhận khoảng hai thập kỷ sau đó, vào cuối những năm 1880, có lẽ bởi nền văn học này phản ánh những vấn đề của xã hội đương thời hoặc do các kỹ xảo văn chương được sử dụng trước đây chưa được biết đến ở Nhật Bản, hoặc do những ảnh hưởng ngoại lai có thể nhận ra trong cách biểu hiện. Cách dễ dàng nhất và thường có hiệu quả nhất là tìm hiểu các nhân tố tác động đã làm nên tính hiện đại đối với một tác phẩm khi nó được tiếp nhận trực tiếp từ một số nhà văn nước ngoài. Điều này cũng giải thích tại sao việc dịch nền văn học châu Âu, đặc biệt từ đầu thế kỷ XX, đã mang lại tác nhân kích thích cho sự phát triển của nền văn chương mới ở Nhật Bản. Rất nhiều nhà phê bình văn học Nhật Bản đều khẳng định rằng lịch sử văn học Nhật Bản hiện đại không có gì khác ngoài lịch sử của những trào lưu đầy thành công do tiếp nhận nền văn học châu Âu và nền văn học Nhật Bản sáng tác sau thời quân chủ Minh Trị cũng chỉ là một nhánh nhỏ của văn học châu Âu (quan điểm của Chiba Sen'ichi, nhà nghiên cứu văn học rất có uy tín ở Nhật Bản). Người ta có thể công nhận hay không công nhận quan điểm nghiên cứu này, nhưng một điều hiển nhiên là các nhà văn Nhật Bản hiện đại đã chịu tác động hết sức sâu sắc khi đọc Dostoievsky, Nietzche, Joyce, Proust và các tác giả châu Âu nổi tiếng khác. Khuynh hướng mô phỏng và dịch các tác phẩm văn học châu Âu đã xuất hiện và phát triển mạnh mẽ đến nỗi vào cuối những năm 1880, xuất hiện rất nhiều tác phẩm phỏng theo các tác phẩm như *Robinson Crusoe* của D. Defoe, *Không tưởng* của Thomas More, *Sự thú tội* của J. Rousseau, và cả *Wilhelm Tell* của F. Schiller rồi *Hamlet, Vua Lear, Người lái buôn thành Venice* của W. Shakespeare nữa. Với tất cả những tinh tuý của nền văn học phương Tây mà người Nhật đã lựa chọn, không ai ngạc nhiên khi vào đầu thế kỷ XX trong văn học Nhật hiện đại xuất hiện đủ thứ chủ nghĩa mới: từ "*chủ nghĩa hiện thực*" và "*chủ nghĩa lãng mạn*" tới "*chủ nghĩa tự nhiên*", đánh dấu một sự mở đầu thực sự cho văn xuôi, theo phong cách hiện đại, mang đậm những yếu tố phương Tây. Ngay cả Kinh thánh và đạo Thiên chúa khi được truyền bá vào Nhật Bản cũng mang đến ý thức về bận khoăn cá nhân, một điều đã để lại dấu ấn trong nhiều tác phẩm văn xuôi hiện đại.

* Viện nghiên cứu Đông Bắc Á

Năm 1885 cuốn *Tinh tuý của tiểu thuyết* (The Essence of Novel) của Tsubouchi Shoyo (1856-1935) là một mốc quan trọng của văn học hiện đại Nhật Bản. Ông phê phán tính chất tầm thường của truyện Nhật Bản lúc đó chỉ nặng miêu tả dục tình; ông chủ trương tiểu thuyết phải khơi sâu tình cảm đằng sau hành động, theo mẫu văn học Anh. Trong tác phẩm này, ông đã đề cập tới quyền tự do của ý chí (theo học thuyết của Kant) và toàn vẹn nghệ thuật của tiểu thuyết trên cơ sở phân tích hành vi và tình cảm con người một cách logic. Đây là một quan niệm có tính cách mạng, nó đối địch hoàn toàn với những nguyên tắc đạo đức mô phạm từng ngự trị trong văn xuôi thời đại Tokugawa. Chính quan niệm này đã dẫn đến một sự thay đổi quan trọng khiến văn xuôi chiếm một vị trí trung tâm trong văn học Nhật.

Trước khi Nhật Bản bắt đầu giao thương với các nước phương Tây vào cuối thập niên 1850, do chính sách bế quan tỏa cảng hơn hai trăm năm của chính quyền Tokugawa Bakufu, những ấn phẩm và tin tức do người Hà Lan và người Trung Quốc cung cấp là cửa sổ duy nhất để người Nhật tìm hiểu về những diễn biến của thế giới bên ngoài (Hà Lan và Trung Quốc là hai nước được chính quyền Tokugawa chấp thuận cho buôn bán trên đảo Deshima ở Nagasaki trong suốt thời gian này). Sự thật là những cuốn sách do các học giả Trung Quốc và những nhà truyền giáo phương Tây trước tác bằng chữ Hán về tình hình thế giới sau chiến tranh Nha phiến đã góp phần quan trọng vào việc thức tỉnh các trí thức Nhật Bản về hiểm họa Tây xâm[1].

Tuy nhiên, sau Minh Trị Duy Tân (1868) Nhật Bản bắt đầu vượt Trung Quốc trong công cuộc canh tân đất nước bằng cách tích cực học hỏi và tiếp thu những yếu tố tiên tiến của nền văn minh phương Tây. Xuất thân phần lớn từ giai cấp võ sĩ (*bushi*), những trí thức Nhật Bản luôn luôn coi trọng tinh thần "biết mình biết người, trăm trận trăm thắng" (Tôn Tử) nên đã có đánh giá xác thực và khách quan về sức mạnh của "đối phương", tức là của các nước phương Tây. Muốn đánh bại đối thủ, tức là vượt phương Tây, trước hết phải khám phá để học lấy những bí quyết sở trường của phương Tây. Họ suy luận rằng không thể nhìn sức mạnh của các nước phương Tây một cách đơn thuần qua súng đạn hay tàu chiến ở bên ngoài mà phải thấy được đâu là những "sở trường và bí quyết" của nền văn minh phương Tây. Qua sách vở, đặc biệt là qua những cuộc hành trình để "thám sát" tận mắt các nước phương Tây, họ thấy rằng những đức tính như tinh thần khoa học, óc cầu tiến, tính tự lập, tinh thần dân chủ biết xem trọng tính đa dạng v.v... chính là những "sở trường" của nền văn minh phương Tây và là lý do sâu xa đã

[1] Những sách Tân thư xuất bản ở Trung Quốc trong kỳ này cũng đã giúp Nguyễn Trường Tộ có vốn liếng trí thức hơn hẳn những sĩ phu Việt Nam cùng thời.

đưa các nước phương Tây lên địa vị phú cường. Một khi đã nhìn thấy được những ưu điểm của văn minh phương Tây, vấn đề tiếp đến đối với họ là làm sao tiếp thu có chọn lọc những ưu điểm đó – những "sở trường của đối phương" – trong một thời gian ngắn nhất.

Đối với các trí thức Nhật Bản ở trong cũng như ở ngoài chính quyền, phương sách hữu hiệu duy nhất nhằm bảo vệ chủ quyền của nước Nhật là sớm tiếp thu văn hóa phương Tây và đưa Nhật Bản lên đài "văn minh" để nước Nhật có thể đua tranh với các cường quốc. Nếu chậm trễ, Nhật Bản dễ trở thành miếng mồi ngon cho liệt cường xâu xé chẳng khác gì Trung Quốc và các nước Á châu khác. Cần chú ý là cũng vào thời điểm này, các quan lại trong triều đình cùng phần đông sĩ phu ở Trung Quốc và Việt Nam là những trí thức chịu ảnh hưởng nặng nề của lối học khoa cử Khổng giáo nên có khuynh hướng xem trọng hư văn; mặc dầu thua phương Tây nhưng vẫn rất tự ái và tự mãn, không nhìn thấy được những "sở trường" của văn minh phương Tây ngoài súng đạn và khoa học kỹ thuật.

Nhằm gia tăng tốc độ canh tân xứ sở trong cuộc đấu tranh mà người Nhật coi là có ý nghĩa sống còn đối với đất nước họ, chính phủ Minh Trị một mặt tích cực mời các chuyên gia đủ mọi ngành sang Nhật để hướng dẫn và giảng dạy, một mặt gửi sinh viên đi du học khắp các nước Âu Mỹ. Trong việc mời chuyên gia sang Nhật cũng như khi chọn nơi để gửi sinh viên du học, tiêu chuẩn của người Nhật rất thiết thực: nước nào giỏi ngành nào thì học ngành đó, không "lý tưởng hóa" hay ỷ lại riêng một nước nào. Cùng với các chuyên gia ngoại quốc, những du học sinh Nhật Bản khi trở về nước đã đóng vai trò then chốt trong việc canh tân Nhật Bản. Ngoài ra, người Nhật cũng thấy được rằng để nước Nhật có thể thật sự canh tân đất nước, điều quan trọng và cần thiết nhất là người Nhật phải từ bỏ nếp tư duy và phong cách làm ăn lỗi thời. Trong "chiến lược con người" này (nói theo ngôn ngữ hiện đại), Nhật Bản không thể không có những kế hoạch mang tính phổ biến và bám trụ đối với quảng đại quần chúng như các công trình dịch thuật và giới thiệu những "sách cẩm nang" của nền văn minh phương Tây cận đại. Chính trên lĩnh vực phổ biến những công trình về khoa học xã hội và khoa học nhân văn của phương Tây nhằm đào tạo và xây dựng những con người mới cho nước Nhật trong kỷ nguyên mới, Nhật Bản từ đầu thời Minh Trị đã vượt xa Trung Quốc và trở thành người phất cờ tiên phong trong các nước Đông Á.

Bảng I: Số sách khoa học xã hội được dịch sang tiếng Nhật cho đến năm 1890 (liệt kê theo tên nước nơi nguyên tác được xuất bản)

Anh	227	Hà Lan	8
Pháp	184	Nga	6
Hoa Kỳ	94	Thụy Sỹ	2
Đức	80	Thụy Điển	1
Ý	11	Ba Lan	1
Áo	10	Đan Mạch	1
Bỉ	8		
		Tổng cộng	**633**

Bảng II: Số sách văn học được dịch sang tiếng Nhật cho đến năm 1887 (liệt kê theo tên nước nơi nguyên tác được xuất bản)[1]

Anh & Hoa Kỳ	80	Nga	2
Pháp	31	Hà Lan	1
Đức	3	Bắc Âu	1
		Tổng cộng	**120**

Nhìn chung, tình hình dịch thuật nửa đầu thời Minh Trị có những đặc điểm sau đây:

(1) Các công trình dịch thuật nói chung là chuẩn xác và đạt được trình độ cao, bởi lẽ các dịch giả Nhật thường là những người đã từng ra nước ngoài và có dịp quan sát tận mắt xã hội phương Tây hoặc là môn đệ của những người đại diện cho các nước này. Có thể chia dịch giả thành 2 nhóm: (a) những người làm việc trong các cơ quan nghiên cứu hoặc dịch thuật của Chính phủ và (b) những người làm việc tự do, tiêu biểu là Fukuzawa Yukichi. Vì việc tiếp thu văn hóa phương Tây được chính phủ Minh Trị ưu tiên hàng đầu nên không chỉ riêng gì những trí thức Tây học (yôgakusha: học giả theo phương Tây) thuộc về phe thắng trận (chủ yếu là những võ sĩ đến từ Satsuma và Chôshu) được trọng dụng mà những trí thức Tây học của phe bại trận (tức là những người đã cộng tác với chính quyền Tokugawa hay với những tri thức gần gũi với chính quyền này) cũng được người trong chính quyền mới vì lợi ích chung cho nước Nhật hết sức đề bạt và nâng đỡ. Nói tóm lại, chính phủ Minh Trị đã cố gắng tạo điều kiện để các trí thức Tây học khắp trong nước có cơ hội đóng góp tài năng. Trên thực tế, họ là những người đã cáng đáng vai trò đầu tầu trong việc truyền bá kiến thức và những tư tưởng tiên tiến của

[1] Dẫn theo "The Impact of Victoria Liberal Literature upon Japan's Modenization" (ảnh hưởng của những sách vở có tư tưởng tự do thời Victoria [ở Anh] đối với công cuộc canh tân ở Nhật Bản).

phương Tây ở Nhật. Nên nhớ là trong khi đó ở Trung Quốc và Việt Nam, những người có kiến thức Tây học nặng về lòng ưu ái với nước nhà thường bị các đình thần thủ cựu gièm pha, ganh ghét nên cuối cùng tài năng của họ bị mai một.

(2) Sách về văn minh phương Tây nói chung có thể chia thành 2 loại: (a) sách về khoa học kỹ thuật, đặc biệt là sách về quân sự và công nghiệp; (b) sách về cơ chế xã hội, chính trị, kinh tế, cùng những vấn đề tinh thần và giá trị căn bản của văn minh phương Tây như tinh thần khoa học, tính tự lập v.v... Ở Trung Quốc, phần lớn các sách phương Tây được trực tiếp dịch thuật vào thập niên 1860 là những sách thuộc loại (a), tức là về kỹ thuật và quân sự. Trước khi Trung Quốc thua Nhật Bản trong chiến tranh Trung-Nhật (1894-1895), ngay trong các nhà trí thức Trung Quốc có tư tưởng cải lương cũng ít có ai để ý đến việc tiếp thu cơ chế xã hội – chính trị của phương Tây, các trí thức Nhật cũng chỉ quan tâm đến lĩnh vực khoa học kỹ thuật, nhưng như ta thấy, ngay sau đó họ đã kịp thời để ý ngay đến các lĩnh vực cơ chế và tư tưởng.

(3) Hai bảng I và II cho ta thấy rõ rằng sách dịch từ tiếng Anh nhiều hơn hẳn sách dịch từ các thứ tiếng khác (trong bảng II tuy các sách văn học Anh và Mỹ được liệt kê chung với nhau, nếu tính riêng thì sách Anh nhiều hơn hẳn sách Mỹ). Những sách "khoa học xã hội" trong bảng I gồm có các sách về kinh tế, chính trị, luật pháp, và thống kê, tương ứng với loại (b), tức là các sách về văn minh phương Tây. Nên để ý là các tác phẩm văn học Anh cũng có ảnh hưởng chính trị lớn đối với độc giả người Nhật, bởi lẽ các tác giả người Anh dưới thời Nữ hoàng Victoria (1837-1901) thường dùng tiểu thuyết làm phương tiện truyền bá những tư tưởng mới hoặc để phê phán xã hội, và từ thập niên 1880 các "tiểu thuyết chính trị" (Seiji Shôsetsu) cũng đã bắt đầu xuất hiện trên văn đàn Nhật Bản.

Khoảng 15 – 20 năm đầu thời Minh Trị, văn đàn Nhật Bản mở rộng cửa đón luồng gió Tây: đó là giai đoạn làm quen, học hỏi, bắt chước, thể nghiệm để chuẩn bị cho một nền văn học mới thấm nhuần những yếu tố phương Tây ra đời. Những sách chính trị, khoa học, triết học, văn học được dịch ào ạt. Một số phóng tác theo các nhà văn Pháp V.Hugo, E.Zola, J.Verne kích thích óc tưởng tượng của độc giả. Những bậc thầy lớn như W. Shakespeare, W. Goethe, L. Tolstoy... được dịch. Xuất hiện Kinh thánh, cùng với âm nhạc phương Tây và cảm hứng thơ mới. Tuyển tập thơ dịch Anh – Mỹ đầu tiên được xuất bản năm 1882.

Hiện tượng hiện đại hóa trong văn học xảy ra do kết quả của sự tiếp xúc trực tiếp với văn hóa phương Tây nói chung và với văn học châu Âu nói riêng. Có thể nhận thấy vô số hư cấu qua truyện Tây Du ký mà độc giả Nhật Bản háo hức tìm đọc, chẳng bao lâu sau khi đất nước mở cửa đã có những bài viết kể về truyện du ký. Ta không ngạc nhiên

rằng vào cuối thế kỷ XIX văn học cổ điển châu Âu lại khoác lên nền văn học Nhật Bản đủ thứ chủ nghĩa mới xuất hiện. Kể từ những bộ sách xuất hiện sớm nhất ở cung đình gồm các bài thơ chữ Hán và thơ Haiku (phổ biến từ thế kỷ XVII rồi được khôi phục lại vào những năm 1880). Những bản dịch thơ châu Âu đã truyền một cảm hứng cho thể thơ tự do theo phong cách của người Nhật, nhờ thế mà tuyển tập chiếm vị trí nổi bật trên văn đàn mang tên *"Những cuộc săn bắn thời niên thiếu"* (1897) của Shimazaki Tôson (1872-1943) ra đời, cũng như các thi phẩm của Kanbara Ariake (1876-1931) và Kitahara Hakusgu (1885-1942). Thơ ca của họ cho thấy rõ ảnh hưởng chủ nghĩa biểu tượng của châu Âu và đánh dấu sự mở đầu thực sự của thơ theo phong cách hiện đại trên ngưỡng cửa thế kỷ XX.

Cuốn tiểu thuyết *"Những đám mây trôi"* được sáng tác giữa thời Minh Trị, tức là khoảng giữa 1880 và 1890, thời hoàng kim của cái gọi là "Tiểu thuyết chính trị": Một sự pha trộn điển hình giữa ngôn ngữ và phong cách cận đại với tư liệu lấy từ lịch sử cách mạng của châu Âu và Mỹ.

Văn học Nhật thời kỳ này tiếp thu nhiều trào lưu tư tưởng và văn học phương Tây: chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa lãng mạn, chủ nghĩa tượng trưng, chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa tự nhiên... Cuối thế kỷ XIX và khoảng hơn mười năm đầu thế kỷ XX đã xuất hiện những nhà văn đàn anh của thời Minh Trị. Các nhà văn ít mặn mà với truyền thống (đề tài gái giang hồ, võ sĩ...), họ hướng về phương Tây. Một số tác giả về cuối đời quay về truyền thống nhưng thường dưới góc độ một người phương Tây tìm kiếm cái đẹp ly kỳ ở một nơi xa lạ. Đặc biệt nhiều nhà văn lớn đã chịu ảnh hưởng rõ rệt của bốn nền văn học: Nga, Đức, Anh, Pháp.

Đây là bước ngoặt quan trọng của thời văn học mới. Nếu như có viết về truyền thống thì các nhà văn Nhật cũng nhìn xã hội Nhật Bản qua lăng kính của người phương Tây.

Nền văn học thuộc chủ nghĩa hiện đại với đặc trưng là những cố gắng có ý thức của tác giả nhằm đem lại một đặc tính phi truyền thống rất rõ ràng trong các tác phẩm của họ, thường thể hiện qua việc sử dụng các kỹ thuật thực nghiệm. Với tư cách là một trào lưu văn học ở Nhật Bản, chủ nghĩa hiện đại nói chung tìm thấy nguồn từ sự giới thiệu thuyết vị lai của Ý[1] vào những năm đầu 1920.

Ảnh hưởng này tạo ra một cơn lũ không bình thường, một thứ thơ ca không thể hiểu được, vậy mà nó được gán với các nghệ sỹ theo chủ nghĩa siêu thực hoặc nghệ sỹ theo chủ nghĩa Đa Đa, mặc dù hầu như không một ai ở Nhật hiểu ý nghĩa của thuật ngữ ấy.

---

[1] Futurism (chủ nghĩa vị lai): trào lưu nghệ thuật và văn học từ bỏ truyền thống tìm kiếm sự thể hiện khả năng và sự phát triển của một lối sống hiện đại máy móc.

Thậm chí trước khi tiếng sấm này nổ ra, chỉ có số ít người viết văn xuôi là được thử nghiệm một cách độc lập với kỹ thuật viết hiện đại tiếp thu được từ nước ngoài. Những hiểu biết rộng rãi của Sato Harano về Wilde và Nietzsche đã truyền cảm hứng cho các tác phẩm của ông khiến nó mang một giọng điệu đặc biệt không có liên quan rõ ràng cụ thể đối với bất kỳ nhà văn theo chủ nghĩa hiện đại nào ở châu Âu. Ta có thể thấy việc sử dụng có hệ thống lúc ban đầu của kỹ thuật chủ nghĩa hiện đại trong văn xuôi qua các trang viết của phái Shinkankakuha (trường phái cảm giác mới), đặc biệt trong các tác phẩm đầu tay của Yokomitsu Riichi. Ảnh hưởng từ Joyce và Proust có thể nhận ra ở Yokomitsu và trường hợp rõ nét nhất để nhấn mạnh ảnh hưởng quan trọng của các tác giả này chính là văn phái Shinkankakuha đứng đầu là Ito Sei. Ito Sei không chỉ dịch tác phẩm *Ulysses* mà còn viết các tiểu luận ca ngợi Joyce, người được ông coi là bậc thầy. Hori Tatsuo mang một ấn tượng sâu sắc đối với Proust. Trong trào lưu này còn phải kể đến các tác phẩm của Kawabata Yasunari, nhà lý luận hàng đầu của trường phái cảm giác mới, mặc dù ông thường được xem là một mẫu mực về truyền thống Nhật Bản thanh khiết.

Hầu hết những nhà văn Nhật Bản quan trọng của thế kỷ XX đều thuộc về giai đoạn chủ nghĩa hiện đại. Việc dịch thuật các tác phẩm văn học hiện đại châu Âu từ nguyên bản đã khiến các nhà văn quan tâm một cách nghiêm túc đến nghề của mình, và thường là dẫn tới sự bắt chước trực tiếp các phương pháp tu từ mới. Tanizaki Junichiro, khi hồi tưởng lại những năm cuối của giai đoạn ấy trong sự nghiệp của mình, đã viết: "Tôi không tin rằng chịu ảnh hưởng của phương Tây là có hại hoặc không có lợi cho sáng tác của tôi, nhưng không một ai biết rõ như tôi rằng ảnh hưởng này tự nó bộc lộ, ít ra trong các tác phẩm thời trẻ của tôi".

Qua các nghiên cứu về Natsume Soseki (1867-1916), Mori Ogai (1862-1922), Tanizaki Junichiro (1886-1965), Kawabata Yasunari (1899-1972), Mishima Yukio (1925-1970), chúng tôi nhận thấy các nhà văn bậc thầy đó đều rất am hiểu văn học phương Tây, chịu ảnh hưởng sâu sắc nhiều nhà văn lớn của phương Tây như đã nêu ở trên, để rồi sử dụng đầy sáng tạo các thành tựu của kỹ thuật viết văn phương Tây vào phản ánh các đề tài Nhật Bản truyền thống hoặc các vấn đề của xã hội Nhật Bản đương đại.

Như vậy, sự chấp nhận các tác phẩm văn học châu Âu thông qua việc dịch thuật có lẽ đã đóng góp một vai trò quan trọng to lớn trong sự phát triển nền văn chương Nhật Bản hiện đại. Vào cuối thế kỷ XIX, có thể nói, không một nhà văn Nhật Bản có tầm quan trọng nào mà không chịu ảnh hưởng thông qua sự hiểu biết văn học châu Âu. Đã thế, trước đó một số nhà văn còn khẳng định rằng họ cảm thấy vô cùng gần gũi với Tolstoy, Dostoievsky hoặc Stendhal, tất cả đều qua các bản dịch, sự gần gũi ấy còn hơn những gì họ từng chịu ảnh hưởng từ bất kỳ tác phẩm nào của truyền thống Nhật.

Thời kỳ lịch sử của dịch thuật nêu trên tương đối ngắn, và trong những năm 1890 thậm chí còn có những phản ứng chống lại nền văn chương phương Tây nhằm ủng hộ sự phát hiện lại Nhật Bản. Thế nhưng truyền thống dịch thuật đã được thiết lập vững chắc trong những năm 1870 và 1880. Các tác phẩm châu Âu được dịch đi dịch lại, chất lượng dịch ngày càng tốt hơn. Ở thời Minh Trị, dịch văn học đã tạo thành một bộ phận quan trọng của các nhà văn Nhật Bản. Về sau, việc dịch thuật còn được mở rộng nhằm giới thiệu các quốc gia khác chứ không chỉ riêng Châu Âu.

Người Nhật tiếp tục được đọc rộng rãi nền văn chương cổ điển và đương đại của phương Tây, còn các tác gia Nhật Bản cũng có thể thu lượm được những gì là tinh tuý từ các nguồn văn chương toàn thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Donald Keene. The Age of Translation (Dawn to the West) Japanese Literature of the Modern Era, New York, Henry Holt and Company, 1984.
2. Sanson, G.B. The Western World and Japan. London, The Cresset Press, 1950.
3. Vĩnh Sính. Việt Nam và Nhật Bản giao lưu văn hóa. Nxb Văn nghệ, TP. Hồ Chí Minh, 2001.